| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**Quyết định giám đốc thẩm**
Số: 61/2022/DS-GĐT
Ngày: 18-8-2022
*V/v tranh chấp về thừa kế tài sản*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

***- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:***

Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Nam;

Các thành viên: Ông Thái Duy Nhiệm;

Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

***- Thư ký phiên toà***: Bà Ngô Thị Minh Hà – Thư ký viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm vụ án *"Tranh chấp về thừa kế tài sản"* giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1948; trú tại: Số 52C, ngõ 52, Lương Khánh Th, phường TM, quận HM, thành phố Hà Nội. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn T: Luật sư Lê Quốc Gi - Công ty luật TNHH A thuộc Đoàn Luật sư Hà Nội.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Qu; sinh năm 1955; trú tại: Xóm 5, xã XT, huyện XTr, tỉnh Nam Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1931; trú tại: Xóm 5, xã XT, huyện X Tr, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ch: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1948; trú tại: Số 52C, ngõ 52, Lương Khánh Th, Phường TM, Quận HM, thành phố Hà Nội.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1940; trú tại: Số nhà 13, đường VLV, phường 9, CL thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

3. Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1957; trú tại: Xóm 5, xã XT, huyện XT, tỉnh Nam Định.

4. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1937; trú tại: Xóm 5, xã XT, huyện XT, tỉnh Nam Định.

5. Bà Phan Thị H1, sinh năm 1934; trú tại: Tổ 3, phường QV, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

6. Ông Hoàng Văn Nh, sinh năm 1940; trú tại: Số 10, Khu ChTh, thị trấn XM, huyện CM, Hà Nội.

7. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1954; trú tại: Phòng 217 A4 tập thể công cụ số 1, Phường ThĐ, Quận Th X, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ, bà H, bà Th, ông Nh và ông Qu: Anh Trần Tuấn C, sinh năm 1983; trú tại: Tổ 32, phường MĐ, quận HM, thành phố Hà Nội.

8. Chị Nguyễn Thị Kim Ng, sinh năm 1960; trú tại: Số nhà 130, Tổ 2, phường ChH, thành phố ThNg, tỉnh Thái Nguyên.

9. Chị Nguyễn Thị Tâm D, sinh năm 1962; trú tại: Tổ 12, PhQuTr, Thành phố ThNg, tỉnh Thái Nguyên.

10. Anh Nguyễn Đức Tr, sinh năm 1965; trú tại: Tổ 3, phường QuVi, thành phố ThNg, tỉnh Thái Nguyên.

11. Anh Nguyễn Đức S, sinh năm 1968; trú tại: Tổ 3, phường QuVi, thành phố ThNg, tỉnh Thái Nguyên.

12. Chị Hoàng Thu Th, sinh năm 1977; trú tại: Tổ 1, Khu Chh thị trấn XM, huyện ChM, thành phố Hà Nội.

13. Anh Hoàng Minh Th1, sinh năm 1969; trú tại: Xóm 17, xã XV, huyện XT, tỉnh Nam Định.

14. Anh Hoàng Đức Th2, sinh năm 1973; trú tại: Số nhà 432 đường NgTr, phường ThĐ, quận ThX, thành phố Hà Nội.

15. Anh Hoàng Trung Th3, sinh năm 1975; trú tại: Số 10, Tổ 1, Khu ChTh, thị trấn XM, huyện ChM, thành phố Hà Nội.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:* Bố mẹ của ông là cụ ông Nguyễn Văn Ch1, chết năm 1991 và cụ Lương Thị T (tên gọi theo chồng là Nguyễn Thị Ch), chết năm 2007. Cụ Ch1 và cụ T có 07 người con gồm: Ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị Đ, Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị I (bà I

chết năm 2009, bà I có chồng là ông Hoàng Văn Nh và 4 người con gồm: Hoàng Minh Th1, Hoàng Đức Th2, Hoàng Trung Th3, Hoàng Thu Th), bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn Qu và ông.

Trước khi cụ Ch1 lấy cụ T, thì cụ Ch1 có vợ là cụ My có 01 con chung là ông Nguyễn Đức H (ông H chết ngày 14/11/2009, có vợ là bà Phan Thị H1 và có 4 con, gồm: Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Thị Tâm D, Nguyễn Đức Tr, Nguyễn Đức S).

Sinh thời cụ Ch1, cụ T có mảnh đất ở 09 miếng tại xóm 6a, xã XT (nay thuộc xóm 5, xã XT), huyện XT, tỉnh Nam Định . Trên đất có một nhà gỗ cấp 4 năm gian lợp bổi. Ngoài nhà đất này, bố mẹ ông không còn nhà đất, tài sản nào khác. Vợ chồng ông Qu sinh sống cùng cụ Ch1, cụ T; vợ chồng ông Qu đã phá nhà gỗ và làm lại nhà mái bằng 03 gian. Khoảng gần 10 năm sau vợ chồng ông Qu lại phá nhà mái bằng 03 gian để xây nhà 2 tầng, trước khi làm nhà ông Qu lên Hà Nội gặp vợ chồng ông và nói *"Chuẩn bị em làm nhà, mặt đường em làm một nửa còn sau này anh về anh làm";* vợ chồng ông đồng ý, không có ý kiến gì.

Ngày 08/12/1986, cụ Ch1 bảo ông viết văn bản phân chia nhà đất của bố mẹ cho các con với nội dung: *"Bố Nguyễn Văn Ch1, mẹ Lương Thị T; quê quán: Xóm 6a, XT, XTh, Hà Nam Ninh, hiện có những bất động sản sau: Đất 09 miếng (có văn tự mua kèm theo), trên mảnh đất đó có một ngôi nhà gỗ 05 gian, 02 gian nhà bếp xây và 01 gian nhà xí lợp rạ. Nay tuổi già sức yếu, tôi đem chia cho các con. Căn cứ vào nhu cầu thực tế của các con chưa có nhà ở. Vào thực tại đất đai đem chia còn quá hẹp. Các con trưởng trước đây đã được chia một phần nay đã có thổ riêng. Sau khi họp bàn với các con trên tinh thần anh em nhường nhịn nhau, tôi chia như sau: Ngôi nhà bếp xây 02 gian giữ lại cho bố mẹ. Ngôi nhà gỗ 05 gian dỡ đem bán, số tiền bán được giữ lại cho bố mẹ dưỡng già. Còn đất chia làm hai phần bằng nhau cho hai con là Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Qu theo ranh giới vạch đôi (có sơ đồ chỉ dẫn). Việc sử dụng đất đai mỗi người một nửa do hai con bàn bạc với nhau cho hợp tình hợp lý".*

Trước khi chia đất bố mẹ ông, ông Ch, ông và ông Qu có bàn bạc, còn ngày viết văn bản là ngày 08/12/1986. Ông không nhớ chính xác lúc đó có những ai. Chữ ký Ch là bố ông trực tiếp ký sau khi ông viết xong. Trong văn bản không có chữ ký của mẹ vì giấy văn tự mua đất của bố ông trước kia ghi diện tích 09 miếng chỉ đứng tên bố, không có tên mẹ nên bố không đưa mẹ ký. Ông Qu cũng được giữ một bản. Ông Ch cũng ký ngay thời điểm khi ông viết xong, ông Ch viết số đất này cho hai em T, Qu. Ông Ch không nhận và ký tên con trưởng Nguyễn Văn Ch. Sau đó ông mới đưa văn bản này cho em gái là

Nguyễn Thị Th ký, còn bà Đ ông đưa trước thời điểm bà Th ký, thời gian cụ thể bà Th, bà Đ ký đến nay ông không nhớ. Năm 2018 văn bản này được ông Ch công bố trước các anh em trong gia đình (vắng bà H do ở xa) không ai có ý kiến gì.

Ngày 12/7/2006, ông Qu viết giấy chia quyền thừa kế sử dụng đất gồm có 04 trang trong đó trang thứ nhất và trang thứ hai ghi với nội dung: *"Tôi là Nguyễn Thị Ch đang ở đội 5, xã XT, huyện XT, tỉnh Nam Định hiện sở hữu mảnh đất thuộc thửa số 153, tờ bản đồ số 4, địa chính xã XT có diện tích đất 340m$^2$ trong đó có ngôi nhà 3 gian mái bằng do vợ chồng con trai Nguyễn Văn Qu làm từ năm 1987 ở cùng tôi đến nay, sau khi đã bàn bạc thống nhất với các con trai là Nguyễn Đức H, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Qu, tôi chia quyền sử dụng mảnh đất này ra làm các phần sau:*

*1. Để lại 50m$^2$ tính từ ranh giới giáp ngõ phía Tây trở lại phía Đông để xây nhà thờ tổ;*

*2. Phần còn lại 290m$^2$ chia làm 04 phần có diện tích bằng nhau (72m$^2$). Ranh giới giữa các phần đất này theo trục đường xã thứ tự tính từ phía Bắc xuống phía Nam. Phần thứ nhất là của tôi, phần thứ hai là của vợ chồng Nguyễn Văn Qu, phần thứ ba của vợ chồng Nguyễn Đức H, phần thứ tư của vợ chồng Nguyễn Văn T. Riêng đất ở của vợ chồng con trai Nguyễn Văn Ch trước kia đã được chia đất, sau đó do xã làm đường vào khu vực đó nên đã được đền bù đất và làm nhà ở chỗ khác. Quyền sử dụng đất của các thành phần được chia như trên, sẽ được thực hiện tính từ ngày ký và có thể chuyển nhượng cho nhau. Hiện tại tôi, vợ chồng con trai Nguyễn Đức H nhượng quyền sử dụng phần đất của mình cho vợ chồng con trai Nguyễn Văn Qu sử dụng. Trên phần đất này đã có ngôi nhà của vợ chồng ông Qu làm để bố mẹ ở cùng từ năm 1987 đến nay".*

Ông khẳng định ngày 12/7/2006, ông H không có mặt, chữ Hạnh là do ông Qu tự viết vào. Còn trang thứ 3 có ghi nội dung *"Giấy nhượng quyền sử dụng đất: tôi là Nguyễn Văn T, vợ là Nguyễn Quỳnh Gi nhất trí để cho vợ chồng em trai là Nguyễn Văn Qu và Hoàng Thị M phần đất được chia 72m$^2$ được toàn quyền sử dụng kể từ ngày ký"* chữ ký Nguyễn Văn T ở trang thứ 2 và trang thứ 3 đúng là của ông. Văn bản này được lập thành 05 bản, trang thứ 3 do ông Qu viết sau nhưng lại ghi cùng ngày 12/7/2006.

Sau đó, ông về nói chuyện với vợ; vợ ông không nhất trí như ý kiến của ông, nên ông yêu cầu ông Qu đưa một bản gốc của ông Qu và một bản gốc của ông, ông có viết vào hai bản với nội dung *"Phần đất chưa sử dụng đến, tôi tạm giao cho chú Qu kinh doanh, khi nào cần tới chú Qu trả lại tôi theo cam kết"* thời điểm ông viết thêm vào hai bản này, ông không nhớ, văn bản này không có

chữ ký của ông Qu (03 văn bản còn lại ông không viết, vì ông không biết ai cầm hơn nữa những người khác cũng không liên quan tới đất này, chỉ có ông và ông Qu liên quan tới đất của bố mẹ nên ông chỉ viết vào văn bản của ông và của ông Qu), nhưng văn bản ngày 12/7/2006 ông Qu nộp cho Tòa án lại không có nội dung *"phần đất chưa sử dụng đến tôi tạm giao chú Qu kinh doanh, khi nào tôi cần tới chú Qu trả lại tôi theo cam kết"*.

Khoảng tháng 3/2018, ông có ý định làm nhà trên phần đất của ông, và yêu cầu ông Qu đưa giấy tờ đất bản gốc thì ông Qu nói *"vợ em đi chơi, vợ em mang hết giấy tờ sổ sách đi rồi"*. Đến buổi chiều cùng ngày, ông Qu không đưa giấy tờ gốc, mà nói em đã làm sổ đỏ cho vợ chồng em rồi. Ông Qu đưa các giấy tờ photocopy về đất đai, lúc đó ông mới biết ngày 19/02/1998 mẹ ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) đứng tên hộ bà Ch diện tích 340m$^2$ đất ở lâu dài thuộc thửa số 153, tờ bản đồ số 04 tại xóm 5, xã XT. Ngày 23/9/1998, mẹ ông cụ Ch1 đã làm văn bản giấy tờ tách diện tích 290m$^2$ đất trong 340m$^2$ đất cho vợ chồng ông Qu. Vợ chồng ông Qu được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/7/2004 diện tích 290m$^2$ đất ở lâu dài, thuộc thửa số 153, tờ bản đồ số 04. Việc mẹ ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tách đất cho vợ chồng ông Qu thì anh chị em ông không ai biết.

Ngày 27/7/2018, giỗ cụ Ch1 có các con cháu gồm ông Ch, bà Đ, ông, bà Th, ông Qu, bà H (vợ ông H), ông Ch đọc văn bản phân chia nhà đất của bố mẹ cho các con ngày 08/12/1986 lúc đó không ai có ý kiến gì, ông Ch nói đề nghị xem lại giấy chia quyền thừa kế sử dụng đất năm 2006, lúc đó ông Qu phản đối lời nói của ông Ch; ông Ch có viết vào tờ giấy gốc ngày 08/12/1986 là giấy này không có giá trị vì 290m$^2$ đất đã tách, sổ đỏ mang tên ông Qu và bà M ghi năm 2004, cụ Ch1 không còn 290m$^2$ đất để chia. Văn bản này mới đưa ông Ch viết thêm vào bằng bút bi màu đen đề ngày 27/7/2018 có chữ ký của ông Ch, ông, sau đó ông gửi vào cho bà H và bà H ký xác nhận ở trang thứ 4. Còn những người khác bà Đ, bà Th, ông Qu, bà H không ký.

Đến ngày 29/3/2018, ông có viết giấy cam kết quyền thừa kế tài sản đất trong đó có nội dung *"Phần đất phía ngoài giáp với đường liên xã được chia làm hai phần. Một phần ông Qu (đã xây dựng nhà) phần còn lại thuộc quyền sử dụng của ông T diện tích 67,2m$^2$ có kích thước chiều rộng mặt tiền 4,2m chiều sâu 16m"* văn bản này có chữ ký của 06 người gồm ông, ông Qu, bà Đ, ông Ch, bà H, bà Th.

Tháng 4/2018, ông định về xây nhà, ông Ch mời ông Qu và ông ra nhà ông

Ch có mặt vợ chồng ông Ch, ông có nói tuần sau ông về làm nhà, ông Qu nhất trí nhưng tuần sau ông về làm nhà theo kế hoạch thì ông Qu lại không nhất trí nữa.

Di sản mà bố mẹ ông để lại gồm nhà và đất, tuy nhiên đến nay nhà của bố mẹ ông không còn do ông Qu đã sửa nhà và hiện đã xây nhà mới. Ông không yêu cầu chia nhà, các công trình xây dựng mà vợ chồng ông Qu đã xây trên đất của bố mẹ ông. Do ông và ông Qu không thống nhất được với nhau, quan điểm của ông là để 50m$^2$ đất làm nơi thờ cúng, đề nghị Tòa án căn cứ vào bản phân chia nhà, đất lập năm 1986 của bố ông để chia, ông chỉ lấy chiều rộng của phần đất còn lại mặt đường 4,2m; lấy 67m$^2$. Đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Qu và bà M. Nếu văn bản phân nhà, đất của bố mẹ ông không phù hợp quy định của pháp luật thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để chia di sản thừa kế của bố mẹ ông là 286m$^2$ đất.

*Bị đơn là ông Nguyễn Văn Qu trình bày:* Về quan hệ huyết thống trong gia đình như ông T trình bày là đúng. Khi còn sống bố mẹ ông là cụ Ch1, cụ T có mảnh đất ở 09 miếng tại xóm 6 xã XT, huyện XT, tỉnh Nam Định, sau thay đổi địa giới hành chính nay thuộc xóm 5, xã XT. Trên thổ đất của bố mẹ ông có hai ngôi nhà, một ngôi nhà xây 03 gian lợp rạ nằm ngoài mặt đường, còn một ngôi nhà gỗ năm gian mái lợp rạ ở phía trong.

Sau khi ông Ch kết hôn với bà H, bố mẹ cho vợ chồng ông Ch ở ngôi nhà xây 03 gian lợp rạ ngoài mặt đường, còn bố mẹ ông và các anh chị em ở nhà phía trong. Khoảng năm 1969, xã XT nắn sông và làm đường đã làm vào phần nhà 03 gian phía ngoài của bố mẹ, xã đã đền bù, chuyển đổi cho gia đình ông Ch vào mảnh đất phía bên trong ngõ mà hiện gia đình ông Ch đang ở. Khoảng năm 1976 - 1978 ông Ch có mua thêm một phần đất hơn 200m$^2$ của ông Song liền thổ với đất của gia đình ông Ch; gia đình ông Ch đã chuyển nhượng cho người khác 300m$^2$ đất.

Do các anh chị em đã xây dựng gia đình và ở riêng, nguyện vọng của bố mẹ muốn ông lấy vợ ở quê và ở cùng để chăm sóc bố mẹ. Năm 1981, ông kết hôn với bà M, năm 1984 ông chuyển công tác về ở hẳn với bố mẹ.

Năm 1986, nhà của bố mẹ xuống cấp do bão, năm 1987 vợ chồng ông đã làm lại nhà mái bằng 03 gian từ Đông sang Tây cho bố mẹ và vợ chồng ông ở. Ngày 19/02/1998 mẹ ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ cụ Nguyễn Thị Ch diện tích 340m$^2$ đất ở lâu dài thuộc thửa số 153, tờ bản đồ số 04 tại xóm 5, xã XT.

Ngày 23/9/1998, cụ Ch1 làm văn bản giấy tờ tách 290m$^2$ đất trong 340m$^2$ đất cho ông và vợ ông là Hoàng Thị M, có đầy đủ chữ ký của xóm trưởng là

ông Vũ L, cán bộ địa chính xã và các hộ liền kề ký vào trong hồ sơ, các anh chị em trong gia đình chỉ có ông Ch là anh trai ký vì các anh chị em khác hoặc ở xa hoặc bận việc gia đình nên không ký. Ngày 15/7/2004 vợ chồng ông mới được cấp GCNQSDĐ diện tích 290m$^2$ đất ở lâu dài, thuộc thửa số 153, tờ bản đồ số 04, diện tích đất còn lại 50m$^2$ mẹ ông có nguyện vọng để xây từ đường.

Mặc dù vợ chồng ông được Nhà nước cấp GCNQSDĐ hợp pháp, nhưng ngày 12/7/2006 ông vẫn cùng mẹ và những người con trai khác họp bàn và làm văn bản thỏa thuận nhà đất của bố mẹ sẽ để ra 50m$^2$ xây từ đường, còn lại 290m$^2$ chia làm 04 phần bằng nhau, từ Bắc xuống Nam theo thứ tự mẹ ông, ông, ông H, ông T mỗi người một phần (72m$^2$) (ông Ch đã được chia đất ở chỗ khác rồi nên không được chia nữa). Sau đó mẹ ông và ông H làm văn bản để lại phần đất cho ông, ông T cũng nhất trí để lại phần đất của ông T cho vợ chồng ông. Nhưng ông T muốn bàn bạc với vợ, sau khi bà Giao (vợ ông T) nhất trí để lại phần đất của ông T cho vợ chồng ông, ông mới ghi luôn ngày 12/7/2006. Giấy chia quyền thừa kế đất ngày 12/7/2006 do ông viết, được sự nhất trí, đồng thuận của mẹ cũng như các anh trai khác là ông Ch, ông H, ông T.

Năm 2009, vợ chồng ông phá nhà 03 gian để làm nhà 3 tầng trên diện tích đất khoảng 100m$^2$. Từ trước đến nay vợ chồng ông ở cùng với bố mẹ và chăm sóc bố mẹ, các anh chị khác cũng chăm sóc nhưng thỉnh thoảng về thăm nom, việc chăm sóc bố mẹ chủ yếu do vợ chồng ông đảm nhiệm, gánh vác. Từ trước đến nay các anh chị em ông không có mâu thuẫn gì. Khi mẹ ông tách 290m$^2$ đất cho vợ chồng ông, cũng như việc vợ chồng ông làm nhà ở năm 1987 và năm 2009, gia đình không ghi văn bản giấy tờ gì nhưng mọi người đều biết và không ai có ý kiến gì.

Văn bản phân chia nhà đất của bố mẹ cho các con ngày 08/12/1986 ông T giao nộp Tòa án, theo văn bản này cụ Ch1 và cụ T chia đôi thửa đất cho ông T và ông mỗi người một nửa. Việc phân chia này, ông không biết khi ông T nộp đơn ra xã ông mới biết, ông xem văn bản phân chia nhà đất 1986, ông khẳng định văn bản này do ông T viết, về chữ ký Ch, ông không biết đây có phải chữ ký của bố hay mẹ ông không. Còn chữ ký của bà Đ và bà Th ông khẳng định do ông T mới đưa cho bà Đ và bà Th ký vào năm 2018, chữ ký của ông Ch thì ông T mới đưa cho ông Ch ký vào.

Về nội dung của văn bản năm 1986 không phù hợp vì bố mẹ ông đang ở nhà, thời điểm đó bố mẹ ông không phải nghèo khó, mà ông T lại viết *"nhà bếp 02 gian giữ lại cho bố mẹ, còn ngôi nhà gỗ 05 gian dỡ đem bán, số tiền bán giữ lại để bố mẹ dưỡng già"*. Trong văn bản chia đôi không ghi cụ thể

mốc giới của các bên. Hơn nữa năm 1987 nhà của bố mẹ ông xuống cấp, được sự đồng ý của bố mẹ, ông dỡ nhà gỗ cấp 4 năm gian của bố mẹ để làm nhà 03 gian mái bằng và đến năm 2009 ông dỡ nhà 03 gian mái bằng để xây nhà 03 tầng và các công trình phụ với diện tích gần 200m$^2$, nhưng lúc đó tất cả các anh chị em khác đều biết và đồng thuận, ông T không có ý kiến gì. Ông không nhất trí phân chia theo văn bản 1986 vì không hợp tình, hợp lý.

Ông không nhất trí theo yêu cầu khởi kiện của ông T vì việc cấp GCNQSDĐ cho mẹ ông, cũng như vợ chồng ông đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp, việc cấp giấy chứng nhận là đúng trình tự thủ tục, cấp công khai minh bạch.

Trước đây theo văn bản phân chia đất gồm mẹ ông và những người con trai, đất của bố mẹ để lại có 340m$^2$ trong đó 50m$^2$ để làm từ đường, còn lại 290m$^2$ chia làm 04 phần, phần của ông H (nay là bà H và các con của ông H) cho vợ chồng ông sử dụng, hiện vợ chồng ông đã sử dụng 1/2 phần đất của ông H tức 1,4 m đất mặt đường chạy dọc vào trong, phần của ông H còn lại 1,4m. Nếu bà H và các con của ông H, bà H đồng ý để lại phần đất còn lại 1,4 m cho ông T thì ông cũng nhất trí. Như vậy, phần đất của ông T sẽ là 2,8 m + 1,4 m (phần của ông H) đất mặt đường chạy dọc vào trong dài 16m, thì ông cũng nhất trí với điều kiện tất cả những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác cùng đều đồng ý.

Di chúc năm 1986 không hợp pháp về hình thức và nội dung, nên ông T không có quyền đòi. Ông nhất trí để 50m$^2$ làm từ đường, còn diện tích đất 290m$^2$ của vợ chồng ông vì đã được mẹ ông chuyển nhượng cho, còn tình cảm thì chia làm 4 phần như văn bản anh em đã thống nhất.

*Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- Bà Hoàng Thị M khai: Về quan hệ gia đình cũng như nguồn gốc đất đang tranh chấp như ông Nguyễn Văn Qu là chồng bà trình bày là đúng. Nay bà nhất trí với quan điểm của ông Qu.

- Ông Nguyễn Văn Ch khai: Về quan hệ anh chị em trong gia đình cũng như nguồn gốc đất ông T, ông Qu trình bày là đúng. Đất của bố mẹ ông để lại gồm 340m$^2$, trong đó nguyện vọng của mẹ cũng như anh em ông để lại 50m$^2$ làm từ đường. Trước đây cụ Ch1, cụ T chưa chia đất cho ông. Đất vợ chồng ông đang ở hiện nay tại xóm 5, xã XT do vợ chồng ông tự mua. Văn bản phân chia nhà, đất của bố mẹ cho các con ngày 08/12/1986 có ghi diện tích đất cho ông T, ông Qu. Ông viết văn bản này với mục đích đất của bố mẹ ông chia cho ông T, ông Qu thì ông nhất trí, ông không nhận đất. Nếu sau này ông được hưởng di

sản thừa kế của bố mẹ, phần của ông được hưởng, được chia ông sẽ để lại toàn bộ cho ông T; ông T không phải thanh toán giá trị tài sản cho ông.

- Bà Nguyễn Thị Đ khai: Về quan hệ họ hàng anh chị em trong gia đình cũng như nguồn gốc đất như các đương sự trình bày là đúng. Bà mong muốn ông T và ông Qu hòa giải với nhau, nếu không hòa giải được, nếu sau này bà được hưởng, được chia di sản thừa kế của bố mẹ bà, phần của bà được hưởng, được chia bà sẽ để lại toàn bộ cho ông Qu và bà M không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho bà.

- Ông Hoàng Văn Nh, anh Hoàng Minh Th1, anh Hoàng Đức Th2, anh Hoàng Trung Th3, chị Hoàng Thu Th đều thống nhất trình bày: Về quan hệ họ hàng, nguồn gốc đất của hai cụ Ch1 như ông T và ông Qu trình bày là đúng. Nếu sau này ông Nh, anh Th1, anh Th2, Hoàng Trung Th3, chị Th được hưởng di sản thừa kế thì phần của ông Nh, anh Th1, anh Th2, Hoàng Trung Th3, chị Th được hưởng, được chia sẽ cho vợ chồng ông Qu, vợ chồng ông Qu không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho ông Nh, anh Th1, anh Th2, Hoàng Trung Th3, chị Th.

- Bà Phan Thị H1, chị Nguyễn Thị Kim Ng, chị Nguyễn Thị Tâm D, anh Nguyễn Đức Tr, anh Nguyễn Đức S đều thống nhất trình bày: về quan hệ họ hàng gia đình, nguồn gốc đất của hai cụ Ch1 để lại như ông T, ông Qu trình bày là đúng: Bà H và các con là chị Nguyệt, chị D, anh Tr, anh S được hưởng phần di sản do ông H đã chết sẽ giao cho vợ chồng Quang. Vợ chồng ông Qu không được bán, nếu bán thì phải thanh toán tiền.

- Bà Nguyễn Thị H: Về quan hệ họ hàng gia đình, nguồn gốc đất của cụ Ch1 mà ông T, ông Qu trình bày là đúng. Kỷ phần di sản mà bà được hưởng thừa kế của bố mẹ thì bà để lại cho ông T, bà không yêu cầu ông T phải thanh toán.

*Người làm chứng trình bày:* Ông Lương Viết Tr, ông Vũ Mạnh L (làm xóm trưởng từ năm 1994 đến năm 2017) cho rằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 23/9/1998 giữa cụ Ch1 bà cho ông Nguyễn Văn Qu, bà Hoàng Thị M đúng pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2019/DS-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về chia di sản thừa kế tài sản của cụ Nguyễn Văn Ch1 và cụ Lương Thị T.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T về hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện XT đã cấp cho vợ chồng

ông Nguyễn Văn Qu và bà Hoàng Thị M ngày 15/7/2004.

Giao cho ông T được quyền sử dụng diện tích đất 54,5m$^2$ đất tại thửa số 153 tờ bản đồ số 4 tại xóm 5, xã XT, huyện XT, tỉnh Nam Định. Ông T không phải thanh toán giá trị cho ông Ch, bà H. Ông T được quyền sử dụng bức tường xây dài 15,55m trị giá 6.531.000 đồng và sân diện tích là 54,5m$^2$ trị giá 4.414.000 đồng; tổng là 11.014.000 đồng.

Giao cho vợ chồng ông Qu và bà M được quyền sử dụng diện tích đất là 88,5m$^2$; cộng với phần diện tích đất của cụ Ch1 đã cho 143m$^2$; tổng diện tích đất 231,5m$^2$ tại thửa 153, tờ bản đồ số 4, cũng như các công trình xây dựng nằm trên phần diện tích đất mà ông Qu và bà M được quyền sử dụng. Ông Qu và bà M không phải thanh toán giá trị cho bà Đ, bà Th, bà Phan Thị H1, bà Ng, bà D, ông Tr, ông S, ông Nh, anh Th1, anh Th2, Hoàng Trung Th3, chị Th.

Tạm giao cho ông Qu và bà M tiếp tục quản lý sử dụng diện tích 50m$^2$ đất để làm từ đường. Sau này anh, chị, em và con cháu trong gia đình của cụ Ch1 lấy làm từ đường thì vợ chồng ông Qu và bà M phải có trách nhiệm. Ông Qu và bà M được nhận ở ông T số tiền thanh toán tài sản là 11.014.000 đồng. Buộc vợ chồng ông Qu, bà M phải giao lại diện tích 54,5m$^2$ cho ông Nguyễn Văn T. Buộc vợ chồng ông Qu, bà M phải tháo rỡ những phần công trình và chuyển cây đi trên phần đất của ông T được hưởng quyền sử dụng (về diện tích, ranh giới, độ dài các cạnh của thửa đất được mô tả chi tiết trong sơ đồ kèm theo). Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/12/2019, ông Nguyễn Văn T kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm. Ngày 02/12/2019, ông Nguyễn Văn Qu kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm.

Tại Bản dân sự phúc thẩm số 58/2020/DS-PT ngày 07/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã quyết định:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc rút yêu cầu kháng cáo của anh Trần Tuấn C.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Ch1.

3. Không chấp nhận khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện XT đã cấp cho ông Nguyễn Văn Qu và bà Hoàng Thị M ngày 15/7/ 2004.

4. Xác định di sản của cụ Ch1 và cụ T là 336m$^2$ đất tại thửa số 153 tờ bản đồ số 4 tại xóm 5, xã XT, huyện XT, tỉnh Nam Định.

Chia cho ông Nguyễn Văn T được quyền sử dụng đất 30m$^2$ đất tại thửa số 153 tờ bản đồ số 4 tại xóm 5, xã XT, huyện XT, tỉnh Nam Định có vị trí phía Bắc giáp đất ông Qu dài 10m, phía Nam giáp đất ông Cảnh dài 10m, phía Tây giáp đất ông Qu dài 3m, phía Đông giáp đường dài 10m. Có sơ đồ kèm theo.

Buộc ông Qu và bà M phải có trách nhiệm giao 30m$^2$ đất có vị trí như nêu trên cho ông T.

Buộc ông T phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Qu và bà M giá trị bức tường giáp đất ông Cảnh dài 10m là 4.244.000 đồng và ông T phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Qu và bà M giá trị quyền sử dụng 1,4m$^2$ đất là 30.100.000 đồng.

Buộc ông Qu và bà M phải tháo dỡ những phần công trình (trừ bức tường xây giáp đất ông Cảnh dài 10m) và di chuyển cây trồng trên 30m$^2$ đất của ông T để trả lại mặt bằng cho ông T.

Chia cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Qu và bà Hoàng Thị M được quyền sử dụng 256m$^2$ đất tại thửa số 153 tờ bản đồ số 4 tại xóm 5, xã XT, huyện XT, tỉnh Nam Định có vị trí phía Bắc giáp đường, phía Nam giáp đất ông T, đất ông Cảnh và đất từ đường họ M, phía Tây giáp 50m$^2$ đất để xây từ đường, phía Đông giáp đường. Có sơ đồ kèm theo.

Tạm giao cho ông Nguyễn Văn Qu và bà Hoàng Thị M tiếp tục quản lý sử dụng diện tích 50m$^2$ đất để làm từ đường, sau này các con, cháu cụ Ch1 và cụ T làm từ đường thì ông Qu, bà M phải có trách nhiệm trả lại. Diện tích 50m$^2$ đất để làm từ đường có vị trí phía Bắc giáp đường, phía Nam giáp từ đường họ Mai, phía Tây giáp đường, phía Đông giáp đất ông Qu. Có sơ đồ kèm theo.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về quyền của đương sự trong việc điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trách nhiệm thi hành án, án phí.

Sau khi xét xử phúc thẩm, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Ch và Bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án xem xét lại Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị số 38/2021/KNGĐT-VC1-DS ngày 30/8/2021 và Quyết định thay đổi bổ sung Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 20/KNGĐT-VC1-DS ngày 13/7/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã kháng nghị đối với Bản dân sự phúc thẩm số 58/2020/DS-PT ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định; Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản dân sự phúc thẩm số 58/2020/DS-PT ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân

tỉnh Nam Định và Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2019/DS-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định giải quyết sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ Lương Thị T(tên gọi khác Ch) và ông Nguyễn Văn Qu ngày 23/9/1998:

Ông Qu sau khi kết hôn với bà Hoàng Thị M thì sinh sống trên diện tích đất tranh chấp với cụ Ch1, cụ T. Ngày 23/9/1998, cụ T lập Đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Qu, bà M diện tích 290m$^2$ trong tổng diện tích 340m$^2$ của thửa đất số 153, tờ bản đồ số 4 tại xóm 5, xã XT, huyện XT, tỉnh Nam Định (sau đây viết tắt là thửa đất số 153). Trong đó đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất có xác nhận của xóm trưởng ông Vũ Mạnh L, cán bộ địa chính xã XT và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã XT. Ngày 15/7/2004, Ủy ban nhân dân huyện XT đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Qu và bà M đối với 290m$^2$ đất.

Ông Ch, ông T và bà H cho rằng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên giữa cụ T và ông Qu là giả mạo, không đúng với ý chí của cụ T nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm xác định Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ T và vợ chồng ông Qu có hiệu lực đối với diện tích đất của cụ T là có căn cứ.

[2]. Về việc định đoạt quyền thừa kế cho ông Nguyễn Văn Qu, ông Nguyễn Văn T được hưởng.

[2.1] Việc Bà Nguyễn Thị H định đoạt quyền thừa kế được hưởng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H đều có quan điểm nhường kỷ phần được hưởng cho ông T và không yêu cầu ông T thanh toán giá trị. Tuy nhiên, trước khi xét xử phúc thẩm ngày 06/9/2020 bà H có văn bản (có công chứng, chứng thực) với nội dung thống nhất để lại toàn bộ kỷ phần được hưởng để ông Qu đứng tên, làm từ đường. Nhưng sau khi xét xử phúc thẩm bà H có đơn đề nghị giám đốc thẩm kèm theo là văn bản trình bày ý kiến của bà H ngày 09/9/2020 (Sau 03 ngày xét xử phúc thẩm, có công chứng, chứng thực), với nội dung: *"Trước phiên tòa, ông Qu viết sẵn đơn và nhờ người mang đến, ông Qu*

*nói phần đất của tôi được chia, nếu đem cho người khác sẽ không còn đất xây từ đường, tôi bối rối và ký vì sợ chậm sẽ không còn đất xây từ đường. Thực tế không phải vậy, sau khi kiểm tra thông tin, nguyện vọng của bố mẹ tôi để lại 50m$^2$ xây từ đường phía trong được ấn định từ trước. Tôi đồng ý giữ nguyên vị trí đất từ đường không chuyển đổi ra phía trước. Vì gấp và vì nghe ông Qu nói không đúng sự thật tôi lỡ ký vào đơn và rút lại đơn, giao phần đất cho ông T được hưởng"*.

Lời khai của bà H phù hợp với diễn biến quá trình tố tụng từ khi đương sự khởi kiện cho đến phiên tòa phúc thẩm nên có dấu hiệu bà H bị lừa dối khi ký nhường kỷ phần thừa kế cho ông Qu?

Hơn nữa, Tòa án cấp phúc thẩm nhận định *"Bà H... nhường kỷ phần được hưởng cho ông Qu và không yêu cầu ông Qu thanh toán giá trị nếu sau này làm nhà thờ thì ông Qu có trách nhiệm giao lại để làm nhà thờ"*. Như vậy, bà H có quan điểm định đoạt quyền thừa kế đối với tài sản của cụ Ch1, cụ T để lại cho ông Qu để sau này làm nhà thờ tổ tiên thì ông Qu có trách nhiệm giao lại nhưng Tòa án cấp phúc thẩm lại quyết định chia cho ông Qu là không đúng với ý chí của bà H.

[2.2] Việc định đoạt quyền thừa kế của bà Nguyễn Thị I (chết năm 2009 - người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà I là ông Hoàng Văn Nh, anh Hoàng Minh Th1, anh Hoàng Đức Th2, anh Hoàng Trung Th3, và chị Hoàng Thu Th) được hưởng.

Tại Đơn đề nghị ngày 03/9/2020, anh Hoàng Văn Th1 (con ông Nh) đề nghị *"Đối với phân đất được thừa kế của tôi sẽ để vợ chồng ông Qu quản lý và sử dụng"*. Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm thì các con của ông Nh, bà I đều vắng mặt còn ông Nh khai *"Kỷ phần của tôi và các con tôi được hưởng tôi xin nhận hiện vật và nhường cho ông Qu quản lý sử dụng và không yêu cầu ông Qu thanh toán giá trị, nếu sau này làm nhà thờ thì ông Qu có trách nhiệm giao lại để làm nhà thờ"*. Do tại phiên tòa phúc thẩm các con của ông Nh, bà I đều vắng mặt nên chưa đủ căn cứ xác định lời khai của những người này. Hơn nữa, chưa có căn cứ xác định lời khai của anh Th1, anh Th2, Hoàng Trung Th3 và chị Th có như lời khai của ông Nh hay không? Như vậy, Tòa án cấp phúc thẩm đã không làm rõ ông Nh và các con là những người thừa kế quyền và nghĩa cụ của bà I đề nghị giao phần thừa kế của mình được hưởng cho ông Qu là *"tạm giao"* cho ông Qu (khi ông Qu làm từ đường thì giao lại) hay tặng cho toàn bộ quyền thừa kế di sản được hưởng cho ông Qu? Tòa án cấp phúc thẩm đã chia cho ông Qu

và bà M 256m$^2$ đất, trong đó có cả kỷ phần thừa kế của bà I mà ông Nh, anh Th1, anh Th2, Hoàng Trung Th3 và chị Th là những người thừa kế của bà I được hưởng là chưa đủ căn cứ.

[2.3] Phần nhận định và Quyết định của Bản án phúc thẩm mâu thuẫn

Tòa án cấp phúc thẩm đã nhận định *"Ông Qu được bà Đ, bà Th nhường kỷ phần được hưởng cho ông Qu và không yêu cầu ông Qu thanh toán giá trị. Bà H, ông Nh và anh Th1, anh Th2, Hoàng Trung Th3, chị Th nhường kỷ phần được hưởng cho ông Qu và không yêu cầu ông Qu thanh toán giá trị nếu sau này làm nhà thờ thì ông Qu có trách nhiệm giao lại để làm nhà thờ. Bà H và chị Nguyệt, chị D, anh Tr, anh S nhường kỷ phần được hưởng cho ông Qu và không yêu cầu thanh toán giá trị nhưng không được chuyển nhượng cho người khác, nên Hội đồng xét xử giao kỷ phần của bà Đ, bà Th, bà H, ông Nh và các con của bà I, bà H và các con của ông H cho ông Qu và ông Qu không phải thanh toán giá trị. Do vậy, ông Qu được hưởng là (14,3m$^2$ x 5) + 28,6m$^2$ = 100,1m$^2$ đất"*.

Như vậy, Tòa án cấp phúc thẩm đã nhận định rõ bà H và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà I chỉ xác định tạm giao quyền sử dụng đất mà mình được thừa kế cho ông Qu *"sau này làm nhà thờ thì ông Qu có trách nhiệm giao lại để làm nhà thờ"*, còn những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông H chỉ giao cho ông Qu sử dụng không được phép chuyển nhượng, nhưng Tòa án cấp phúc thẩm đã quyết định*"Chia cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Qu và bà Hoàng Thị M được quyền sử dụng 256m$^2$ đất tại thửa số 153"* là không đúng ý chí của họ.

[3]. Về 50 m$^2$ đất làm nhà thờ:

Toàn bộ các thừa kế của cụ Ch1 và cụ T đều đề nghị để lại 50m$^2$ đất di sản để làm nhà thờ chung, không chia thừa kế. Như vậy đây là tài sản thuộc quyền sử dụng chung của các đồng thừa kế của cụ Ch1 và cụ T. Nhưng khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm chỉ tuyên là tạm giao cho ông Qu, bà M tiếp tục quản lý, sử dụng 50 m2 đất để làm từ đường; sau này các con cháu cụ Ch1 và cụ T làm từ đường thì ông Qu, bà M phải có trách nhiệm trả lại. Tuyên án như vậy là không đúng ý chí của các đương sự và không đúng quy định của pháp luật, không rõ chủ sử dụng đất, dễ phát sinh tranh chấp diện tích đất này.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1] Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 38/2021/KNGĐT-VC1-DS ngày 30/8/2021 và toàn bộ Quyết định thay đổi bổ sung Quyết định kháng

nghị giám đốc thẩm số 20/KNGĐT-VC1-DS ngày 13/7/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[2] Hủy toàn bộ Bản dân sự phúc thẩm số 58/2020/DS-PT ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định và Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2019/DS-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định về vụ án *"Chia thừa kế và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"* giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T với bị đơn là ông Nguyễn Văn Qu và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

[3] Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

[4]. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định./

***Nơi nhận:***
- Chánh án TANDCC tại Hà Nội (để báo cáo);
- VKSNDCC tại Hà Nội (để biết);
- TAND tỉnh Nam Định;
- TAND H. Xuân Trường, tỉnh Nam Định (kèm hồ sơ vụ án);
- Chi cục THADS H. Xuân Trường, tỉnh Nam Định;
- Các đương sự;
- Lưu: Phòng HCTP-VP, Phòng GĐKTIII, HSGĐT.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN**
**PHÓ CHÁNH ÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Hồng Nam**